TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 596/2023/HNGĐ-ST Ngày 23-05-2023 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963 "vắng mặt";

Địa chỉ: số H đường D, Ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 "có mặt";

Địa chỉ: số H đường D, Ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2023 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn với nhau năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau về tính cách, không còn tôn trọng nhau. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2006, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên

cãi vã nhau, đến mức nguyên đơn cứ về đến nhà là phải vào phòng riêng, khóa trái cửa để không phải nghe tiếng nhiếc mắng của bị đơn. Tuy sống cùng một mái nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân 15 năm nay, không còn quan hệ về mặt tình cảm và cũng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không có hạnh phúc và quá căng thẳng về mặt tinh thần nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1992, các con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 03 năm 2023, bị đơn trình bày: Nguyên đơn và bị đơn sống chung với nhau đã hơn 30 năm, trong quá trình chung sống, để cho gia đình êm ấm, con cháu nở mặt nở mày, bị đơn đã phải chịu đựng rất nhiều thói trăng hoa của nguyên đơn. Tuy vậy, bị đơn vẫn mong muốn nguyên đơn suy nghĩ lại, nguyên đơn có thương ai thì cứ đi với người đó, khi nào bệnh đau thì quay về với vợ con. Hiện nay nguyên đơn và bị đơn đã có sui gia, có con, có cháu nên bị đơn không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1992, các con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có mặt và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc ông Nguyễn Văn S yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 310 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 07 năm 1989 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã lên đến đỉnh điểm, nguyên đơn trình bày đã sống ly thân 15 năm nay, không còn quan hệ với với bị đơn trên cả phương diện tình cảm cũng như mọi mặt của cuộc sống, bị đơn thường xuyên nhiếc mắng nên đời sống tinh thần của nguyên đơn rất căng thẳng, nguyên đơn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Tòa án nhiều lần phân tích, động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Bị đơn thừa nhận nguyên đơn có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, gần đây, nguyên đơn về đến nhà là vào ngay phòng riêng, khóa trái cửa và vợ chồng đã ăn riêng, ngủ riêng từ khi dịch Covid-19 xảy ra, bị đơn cảm thấy sống như vậy rất mệt mỏi nhưng không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn. Sự thừa nhận của bị đơn cho thấy, bị đơn không có được hạnh phúc trong cuộc hôn nhân này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hai lần triệu tập các đương sự tham gia phiên hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn có mặt nhưng nguyên đơn xin vắng mặt, điều đó chứng tỏ các đương sự không còn mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: nguyên đơn và bị đơn tuy vẫn sống chung một nhà nhưng không còn giao tiếp với nhau, không còn quan hệ vợ chồng, cả nguyên đơn và bị đơn đều sống trong trạng thái mệt mỏi và căng thẳng về tinh thần. Bị đơn không muốn ly hôn chỉ vì sợ ảnh hưởng đến danh dự gia đình và ảnh hưởng đến cuộc sống của các con.

Xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm sống. Các bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 201, quyển số 03 ngày 09 tháng 08 năm 1990 và Giấy khai sinh số 43, quyển số 06/HT16 ngày 10 tháng 04 năm 1992 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1992. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 310 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 1989 hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1992. Các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 ông Nguyễn Văn S phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0020656 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tp . Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài